

Số: 290/QĐ-ĐHSPKTVL-KT

Vinh Long, ngày 13 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi và cấp chứng nhận
Tiếng Anh tương đương trình độ A1, A2, B1, B2

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 19/02/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 13/3/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc ban hành Quy định tổ chức thi và cấp chứng nhận tiếng Anh tương đương cấp độ A1, A2, B1 và B2;

Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 31/10/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc thành lập Hội đồng thi và các Ban giúp việc cho Hội đồng thi Kỳ thi Tiếng Anh cấp chứng nhận tương đương các trình độ A1, A2, B1, B2 - Lần 22 năm 2023;

Căn cứ Kết quả kỳ thi Tiếng Anh cấp chứng nhận tương đương trình độ A1, A2, B1, B2 - Lần 22 năm 2023; Căn cứ Danh sách đề nghị công nhận cấp chứng nhận tương đương trình độ A1, A2, B1, B2 - Lần 22 năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả thi và cấp chứng nhận Tiếng Anh tương đương trình độ A1, A2, B1, B2 - Lần 22 năm 2023 cho thí sinh đủ điều kiện được tổ chức thi ngày 04-05/11/2023 (có danh sách kèm theo).

TT	Trình độ Tiếng anh	Số lượng	Ghi chú
1	Tiếng Anh tương đương trình độ A1	08	
2	Tiếng Anh tương đương trình độ A2	48	
3	Tiếng Anh tương đương trình độ B1	18	
4	Tiếng Anh tương đương trình độ B2	00	
Tổng cộng		74	

Điều 2. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: P.KT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A1**

(Kèm theo quyết định số: 290/QĐ-ĐHSPKT-KT ngày 13 tháng 11 năm 2023)

TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
1	19005101	Nguyễn Thị Kim Phụng	04/5/2001	6.0	6.5	3.0	3.0	4.5
2	18006005	Trần Trọng Bằng	08/11/2000	5.0	4.0	5.5	4.0	4.5
3	19001216	Nguyễn Đình Phương Trung	19/3/2001	6.5	3.0	5.5	3.0	4.5
4	19001549	Nguyễn Hoài Nhân	09/10/2001	6.0	4.5	4.5	3.5	4.5
5	19008176	Phan Lê Trung	15/02/2001	4.5	4.5	3.0	3.0	4.0
6	19008178	Bùi Khải Trường	12/3/2000	3.0	5.0	5.0	5.0	4.5
7	19015106	Kim Thị Anh Trang	27/11/2001	4.0	4.0	3.5	3.0	3.5
8	20001336	Nguyễn Minh Quan	19/7/2002	7.0	3.0	5.0	3.0	4.5

HIỆU TRƯỞNG 




PGS.TS. Lao Hùng Phi

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2**

(Kèm theo quyết định số: 290/QĐ-ĐHSPKT-KT ngày 13 tháng 11 năm 2023)

TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
1	19005035	Nguyễn Thị Xuân Khánh	07/01/2001	5.0	8.0	5.0	5.0	6.0
2	19005114	Nguyễn Thị Cẩm Sang	11/12/2000	6.0	6.0	6.0	3.0	5.5
3	19007009	Nguyễn Khánh Linh	29/5/2001	6.0	6.0	6.5	3.0	5.5
4	19008009	Kiều Việt Quốc Bảo	09/9/2001	6.0	6.5	8.5	3.0	6.0
5	19008028	Kim Văn Đung	16/9/2001	7.0	6.5	8.5	4.5	6.5
6	19008039	Lê Chí Hiệu	05/01/2001	6.5	4.0	6.5	4.5	5.5
7	18006031	Tăng Phú	03/9/2000	5.0	5.5	6.0	3.5	5.0
8	19001062	Trần Trung Hiếu	08/11/2001	7.5	6.5	4.5	4.0	5.5
9	18004137	Võ Hữu Tiến	03/01/2000	6.0	5.5	7.0	3.5	5.5
10	19001206	Huỳnh Nhật Tính	29/3/2001	7.0	3.0	7.0	3.0	5.0
11	19001220	Nguyễn Đăng Trường	21/5/2001	5.0	7.0	6.0	3.5	5.5
12	19001461	Trần Thanh Tín	26/12/2001	6.0	6.0	7.5	4.0	6.0
13	19001569	Trần Tấn Tài	16/5/2001	6.0	6.5	6.5	4.5	6.0
14	19002001	Đoàn Đình Vĩnh An	21/12/2001	5.5	7.0	5.0	3.5	5.5
15	19003066	Nguyễn Minh Nhã	08/12/2001	7.0	8.0	5.5	4.5	6.5
16	19004011	Nguyễn Trần Quốc Bảo	03/02/2001	5.0	6.5	3.5	5.5	5.0
17	19004092	Phạm Anh Khoa	07/7/2001	5.5	6.5	6.5	3.0	5.5
18	19004154	Trịnh Hoài Phong	04/9/2001	5.0	6.0	4.5	5.5	5.5
19	19008041	Lê Anh Tuấn Huân	25/9/2001	6.0	8.5	4.0	5.0	6.0
20	19008061	Nguyễn Duy Khánh	03/11/2001	5.0	7.5	6.0	4.5	6.0
21	19008113	Trần Minh Nhựt	15/11/2001	8.0	7.0	6.0	5.0	6.5
22	19008153	Nguyễn Phi Thoàn	30/5/2001	7.0	4.5	6.5	4.0	5.5
23	19008154	Đặng Thành Hữu Thuận	15/01/2001	7.0	6.0	5.0	4.0	5.5
24	19008179	Lê Quang Trường	15/3/2001	6.0	5.0	6.0	4.5	5.5
25	19013003	Trần Huế Bảo	28/8/2001	5.0	7.0	5.0	8.0	6.5
26	19015064	Nguyễn Thị Linh Phương	01/12/2000	6.5	5.5	4.5	7.0	6.0
27	19015102	Lê Thị Hồng Trâm	03/5/2001	7.0	8.5	6.5	4.0	6.5
28	20001057	Phan Phúc Khang	08/10/2002	5.0	8.0	6.5	6.0	6.5
29	20001128	Nguyễn Trọng Tiến	01/4/2000	7.5	6.5	7.5	5.0	6.5
30	20001162	Nguyễn Thành Thiện	28/01/2002	8.0	5.5	5.5	6.0	6.5
31	20001183	Lê Phương Trinh	03/3/2001	7.5	3.0	4.5	4.5	5.0
32	20001237	Nguyễn Ngô Hoàng Diệu	09/10/2002	9.0	5.0	5.0	3.0	5.5



TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
33	20001292	Nguyễn Tấn Lộc	15/9/2002	9.0	3.0	4.5	7.5	6.0
34	20001357	Đoàn Trương Điền Thịnh	22/03/2002	7.5	4.5	5.5	5.5	6.0
35	20001413	Phạm Thanh Duy	12/7/2002	8.0	4.5	5.5	6.0	6.0
36	20001414	Trần Anh Duy	19/9/2002	8.5	4.5	5.0	7.0	6.5
37	20001492	Thạch Ngọc Thiện	20/02/2002	9.0	6.5	6.0	3.0	6.0
38	20003035	Trần Lê Hưng	26/11/2002	7.0	7.5	6.0	6.0	6.5
39	20008156	Võ Quốc Kiệt	27/01/2002	7.5	4.5	4.0	3.5	5.0
40	20010052	Nguyễn Văn Minh	04/5/2002	8.5	6.0	5.0	4.0	6.0
41	20010093	Phạm Thị Kim Thùy	24/11/2002	8.5	6.5	4.5	3.0	5.5
42	20017129	Trương Thị Kim Thanh Như	09/11/2002	7.5	5.0	5.5	3.0	5.5
43	20017158	Phan Thanh Trúc Quỳnh	21/12/2002	5.0	5.5	6.5	4.0	5.5
44	20017221	Nguyễn Khánh Vy	05/01/2002	5.0	6.0	5.5	4.0	5.0
45	21013065	Phạm Nguyễn Trương Huy	21/9/2003	5.0	8.0	4.5	4.5	5.5
46	22003087	Nguyễn Hoàng Quý	13/5/2004	5.5	5.0	7.0	4.5	5.5
47	22007009	Trương Anh Kiều Tiên	16/7/2004	4.5	7.0	6.5	5.5	6.0
48	22021019	Nguyễn Thành Công	06/8/2004	7.5	7.0	5.0	6.0	6.5

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B1**

(Kèm theo quyết định số: 290/QĐ-ĐHSPKT-KT ngày 13 tháng 11 năm 2023)

TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
1	18015016	Trần Thanh Hằng	23/9/2000	7.0	7.5	7.0	5.5	7.0
2	18015050	Trương Ngọc Sơn	29/6/2000	7.0	6.5	8.0	7.5	7.5
3	19001531	Âu Văn Hợp	16/02/2001	9.0	8.5	8.0	8.5	8.5
4	19015048	Nguyễn Hoàng Nhân	07/7/2001	9.0	7.5	7.5	7.0	8.0
5	19015082	Nguyễn Trường Thịnh	26/6/1999	7.0	7.5	7.5	6.0	7.0
6	19015096	Đỗ Thanh Tính	01/7/2001	9.0	7.5	7.5	7.0	8.0
7	19015097	Bùi Đức Toàn	22/9/2000	10.0	8.0	7.0	6.0	8.0
8	19015099	Nguyễn Thị Quế Trâm	24/6/2001	9.0	7.0	8.5	7.0	8.0
9	20004228	Trương Minh Triết	19/11/2002	7.0	6.5	6.5	7.0	7.0
10	20015007	Phan Nhật Đăng	28/10/2002	9.0	7.0	8.5	7.0	8.0
11	20015051	Nguyễn Lan Phương	30/7/2002	8.0	9.0	8.5	6.5	8.0
12	20017128	Nguyễn Thị Huỳnh Như	26/8/2002	7.0	8.0	6.0	6.5	7.0
13	20019099	Phạm Tú Xuyên	09/6/2002	8.5	6.5	5.5	6.5	7.0
14	21001229	Đào Út Bảo	01/6/2003	9.0	8.5	8.0	8.0	8.5
15	21003019	Đặng Bảo Nguyên	04/12/2003	6.5	8.5	9.0	4.5	7.0
16	21004010	Huỳnh Khoa Nhân	14/3/2003	5.5	8.0	8.5	5.5	7.0
17	22001251	Huỳnh Hồng Hân	11/11/2004	5.0	9.0	8.0	6.0	7.0
18	22004274	Phạm Lê Phát Huy	21/02/2004	9.0	7.5	6.5	6.5	7.5

HIỆU TRƯỞNG 




PGS.TS. Lao Hùng Phi